CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Số 14/VNECO3- TCKT
V/v công bố BCTC quý 3 năm 2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh Phúc

Vinh, ngày 16 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: **- Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3
Mã chứng khoán : VE3
Trụ sở chính : Khối 3, Phường Trung đô , Thành phố Vinh , Tỉnh Nghệ an
Điện thoại : 038.3855619 – 112 . Fax: 038.3855263
Người thực hiện công bố thông tin : Văn Anh Hùng

Nội dung công bố thông tin :

Báo cáo tài chính quý 3 năm 2020 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 được lập ngày 12 tháng 10 năm 2020 bao gồm :

1.Bảng cân đối kế toán
2.Báo cáo kết quả kinh doanh
3.Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4.Thuyết minh báo cáo tài chính

Công văn số 13/VNECO3- TCKT ngày 16/10/2020 giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế.

Địa chỉ Website đăng tải báo cáo tài chính : www.vneco3.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố .

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Văn Anh Hùng

Nơi gửi : *Như trên*
Lưu : *công ty;*

Signature Not Verified
Ký bởi: VĂN ANH HÙNG
Ký ngày: 16/10/2020 15:13:49

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3
****

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3/2020

Năm 2020

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3
ĐỊA CHỈ: KHỐI 3 - PHƯỜNG TRUNG ĐÔ - TP VINH - NGHỆ AN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại thời điểm 30/09/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Tại thời điểm 30/09/2020	Tại thời điểm 01/01/2020
A. Tài sản ngắn hạn	**100**		**40.173.087.167**	**37.754.954.560**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**IV.1**	**6.359.567.037**	**3.839.854.304**
1. Tiền	111		4.359.567.037	839.854.304
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	3.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**2.100.000.000**	
1. Chứng khoán và công cụ tài chính kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư ngắn hạn khác	123		2.100.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**IV.2**	**15.343.400.158**	**18.118.442.321**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		6.297.941.764	9.883.837.318
2. Trả trước cho người bán	132		3.371.802.990	3.607.830.633
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		6.379.134.327	5.332.253.293
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(705.478.923)	(705.478.923)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	**140**		**16.271.492.159**	**15.696.245.865**
1. Hàng tồn kho	141	IV.3	16.344.453.917	15.769.207.623
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(72.961.758)	(72.961.758)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**98.627.813**	**100.412.070**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.4	98.627.813	100.412.070
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. Tài Sản Dài Hạn	**200**		**5.848.353.972**	**4.921.145.139**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
II. Tài sản cố định	**220**	**IV.5**	**5.059.812.604**	**4.511.439.334**
1. Tài sản cố định hữu hình	221		5.059.812.604	4.511.439.334
- Nguyên giá	222		13.547.407.684	12.935.347.402
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.487.595.080)	(8.423.908.068)
IV. Tài sản dài hạn dở dang	**240**		**0**	**0**
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**IV.6**	**550.000.000**	**50.000.000**
1. Đầu tư trái phiếu	251			
2. Đầu tư vào công tư liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		550.000.000	50.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**238.541.368**	**359.705.805**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.7	238.541.368	359.705.805
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	**270**		**46.021.441.139**	**42.676.099.699**